

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ - ST  
Ngày: 29 - 4- 2021  
V/v ly hôn; nuôi con chung giữa chị  
N, anh T

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hoan;
2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Kim Thùy.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:**  
Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 484/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc “ ly hôn; nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1996 “có mặt”.

**Bị đơn:** Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1990 “vắng mặt”.

Đều cùng địa chỉ: Thôn M, xã Tr, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

*Về hôn nhân:* Chị với anh Hoàng Văn T kết hôn với nhau từ ngày 23/02/2012. Trước khi kết hôn hai bên có được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Sơn. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại thôn Mới, xã Trường Sơn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa hợp hạnh phúc, đến đầu năm 2018 vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm cuộc sống chung không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay không còn quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Linh Đ, sinh ngày 29/3/2016 và cháu Hoàng Thu N, sinh ngày 15/12/2017. Từ bé đến nay các con đều ở với chị. Hiện nay chị có nơi ở và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con, chị đề nghị Tòa án giao hai cháu cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng, chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Hoàng Văn T “Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng” nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị N; Tòa án đã gửi công văn đề nghị Cục xuất nhập cảnh tra cứu thông tin, kết quả anh Hoàng Văn T không có căn cứ xuất cảnh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 228; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N anh Hoàng Văn T. Về nuôi con chung: Giao chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản riêng, chung; công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết. Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Căn cứ vào Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] **Về hôn nhân:** Chị N và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, khi kết hôn đảm bảo đúng điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống chị T xác định có phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh phúc và vợ chồng ly thân nhau từ tháng 7/2020 cho đến nay không còn quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị N vẫn cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Vì vậy xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] **Về nuôi con chung:** Chị N có nguyện vọng nuôi con, xét thấy từ nhỏ đến lớn hai cháu do chị N trực tiếp nuôi dưỡng; Về điều kiện nuôi con, chị N có công việc, thu nhập và có nơi ở ổn định; Mặt khác anh T không gửi quan điểm về nguyện vọng nuôi con nên căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Đ và cháu N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] **Về Tài sản riêng, chung; Công nợ chung:** Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] **Về án phí** Chi N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[6] Về quyền kháng cáo : Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; 228; 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Văn T.

**2. Về nuôi con chung:** Giao chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Linh Đ, sinh ngày 29/3/2016 và cháu Hoàng Thu N, sinh ngày 15/12/2017. Anh Hoàng Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở theo quy định pháp luật.

**3. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp đủ số tiền 300.000đ tại biên lai thu số AA/2017/0005045 ngày 19/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Linh**



